TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOA LƯ - TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
số: 18/2018/QĐST-HNGĐ *V/v: "Xin ly hôn và tranh chấp nuôi con chung"*	*Hoa Lư, ngày 17 tháng 4 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 32/2018/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018 giữa: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1982; Trú tại: Thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh HN và anh Trịnh Văn H, sinh năm 1980 ; HKTT: Thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh HN. Chỗ ở hiện nay: Thôn V, xã T, huyện H, tỉnh NB.

- Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 55; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Nguyễn Thị N** và anh **Trịnh Văn H**

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con chung tên là Trịnh Tùng A, sinh ngày 30/6/2010 đến khi con chung đủ

18 tuổi. Anh H phải có trách nhiệm đóng góp tiền nuôi con cho chị N mỗi tháng 1.000.000đ *(Một triệu đồng)*, kể từ tháng 5/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị N không được cản trở quyền thăm non con chung, khi cần các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh H không đóng góp số tiền trên cho chị N, thì anh H còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự

- ***Về án phí:*** Chị Nguyễn Thị N nhận nộp 150.000đ *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và nộp 150.000đ *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)* án phí về cấp dưỡng nuôi con chung được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2010/ 00752 ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOA LƯ

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh NB (1);*
- *VKSND huyện Hoa Lư (2);*
- *CCTHADS huyện Hoa Lư (1);*
- *Các đương sự; UBND xã;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu VP.*

Thẩm phán

Đinh Xuân Tưởng